



## LÀM SAO ĐỂ RĂN ĐE ĐƯỢC CHỦ NGHĨA KHỦNG BỐ?

**Nguồn:** Matthew Kroenig & Barry Pavel (2012). "How to Deter Terrorism", *The Washington Quarterly*, Vol. 35, No. 2, pp. 21-36.

**Biên dịch & Hiệu đính:** Nguyễn Thiện Toàn

Trong hơn 50 năm Chiến tranh Lạnh, răn đe là hòn đá tảng trong chiến lược của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ đã cố gắng ngăn Liên Xô tấn công phương Tây bằng cách đe dọa trả đũa bằng một đòn hạt nhân kinh hoàng. Tuy nhiên, sau các cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001, nhiều nhà quan sát đã phản biện rằng biện pháp răn đe không thích hợp với cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ lãnh đạo. Các chuyên gia phân tích cho rằng không giống như giới lãnh đạo của Liên Xô, những kẻ khủng bố không có lý tính, sẵn sàng trả mọi giá (kể cả cái chết) để đạt mục đích, và khó mà định vị được chúng sau các vụ tấn công. Vì những lý do trên cũng như những nguyên nhân khác, người ta cho rằng việc đe dọa trả đũa những tên khủng bố tự thân nó không hiệu quả và không đủ để ngăn chặn hành động khủng bố.

Những quan điểm này đã định hình nên chiến lược ban đầu của chính phủ Hoa Kỳ trong việc ứng phó với mối đe dọa khủng bố. Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2002 của Tổng thống George W. Bush, được đưa ra khoảng một năm sau vụ 11/9, nói: "Những quan niệm truyền thống về răn đe sẽ không hiệu quả trong việc chống lại khủng bố, những kẻ có chiến lược công khai là phá hoại vô cớ và nhắm vào người vô tội; những kẻ gọi là chiến binh của chúng tìm cách tử vì đạo và chính tình trạng vô quốc tịch là lớp bảo vệ hữu hiệu nhất cho chúng."<sup>1</sup>

<sup>1</sup> "The National Security Strategy of the United States of America," September 2002, p. 15, <http://merln.ndu.edu/whitepapers/USns2002.pdf>.

Tuy nhiên, ít lâu sau, các nhà hoạch định chính sách đã bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc hơn về khả năng răn đe khủng bố. Khi còn làm việc tại Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng năm 2005, chúng tôi là những tác giả chính của chính sách cấp chính phủ đầu tiên của Hoa Kỳ về việc răn đe các mạng lưới khủng bố. Như Eric Schmitt và Thom Shanker có viết trong cuốn sách *Counterstrike* năm 2011 của họ, “Kroenig and Pavel đã thảo ra một tài liệu ngắn lập luận rằng một tập hợp các nỗ lực về mặt kinh tế, ngoại giao, quân sự, chính trị và tâm lý...có thể thật sự thiết lập nên một chiến lược mới và tạo thành một cách thức răn đe mới và hiệu quả để chống lại các nhóm khủng bố.”<sup>2</sup>

Chiến lược này đã được đưa vào Bản kiểm điểm quốc phòng bốn năm một lần (QDR) của năm 2006, trong đó có nêu các dự định của Lầu Năm Góc nhằm chuyển “từ kiểu răn đe ‘một cỡ vừa tất’ sang kiểu răn đe cụ thể cho từng loại đối tượng, nhằm vào các quốc gia bất hảo, các mạng lưới khủng bố, và những đối thủ gần ngang tầm.”<sup>3</sup> Theo bản kiểm điểm, Bộ Quốc phòng phải kiến thiết các lực lượng tương lai của mình sao cho “tạo ra được một khả năng hoàn toàn cân đối, phù hợp để răn đe các mối đe dọa có tính chất quốc gia lẫn phi quốc gia – trong đó có ... những cuộc tấn công khủng bố trên thực tế cũng như trong lĩnh vực thông tin.”<sup>4</sup> Schmitt and Shanker tiếp lời, “Một nửa thập niên sau khi đề nghị [của Kroenig and Pavel] được Donald Rumsfeld trao cho Tổng thống Bush tại trang trại Texas của ông, những sáng kiến của họ đã được phổ biến tới khắp bộ máy an ninh quốc gia và được các nhà đồng tư tưởng đón nhận trên khắp các cộng đồng quân sự, tình báo, ngoại giao, và chấp pháp.”<sup>5</sup>

Dù chúng tôi cảm thấy được lời mô tả về công việc của mình trong cuốn sách tăng bốc, nhưng nó đồng thời có phần cường điệu hoá sức ảnh hưởng của chúng tôi. Biện pháp răn đe vẫn còn là một yếu tố ít được hiểu rõ và ít được vận dụng trong chiến lược chống khủng bố của Hoa Kỳ. Tuy vậy, nó có tiềm năng lớn trong việc ngăn chặn các cuộc tấn công khủng bố tương lai.

Bài viết này lần đầu tiên công khai giải thích rõ về chính sách trên. Chúng tôi cho rằng, không giống như sự răn đe giữa các quốc gia với nhau, việc răn đe chủ nghĩa khủng bố chỉ có thể thành công một phần, và rằng nó sẽ luôn chỉ là một yếu tố thành phần - và không bao giờ là hòn đá tảng – trong chính sách quốc gia. Tuy nhiên, chừng nào các nước còn có thể răn đe các lực lượng khủng bố không tham

---

<sup>2</sup> Eric Schmitt and Thom Shanker, *Counterstrike: The Untold Story of America’s Secret Campaign against Al Qaeda* (New York: Times Books, 2011), p. 51.

<sup>3</sup> U.S. Department of Defense, “Quadrennial Defense Review,” February 6, 2006, p. vi, <http://www.defense.gov/qdr/report/report20060203.pdf>.

<sup>4</sup> QDR, p. 49.

<sup>5</sup> Schmitt and Shanker, p. 180.

gia vào một vài kiểu hoạt động khủng bố, thì phép răn đe vẫn nên là một nhân tố căn bản trong chính sách chống khủng bố nói chung.

## **Định nghĩa chính sách răn đe chống chủ nghĩa khủng bố**

Răn đe là một tương tác chiến lược mà trong đó một bên ngăn không cho địch thủ đưa ra một hành động mà lẽ ra sẽ được thực hiện bằng cách làm địch thủ đó tin rằng cái giá của việc thực hiện hành động sẽ lớn hơn cái lợi có thể đạt được. Do đó, khi tiến hành răn đe, một bên có thể định hình nhận thức của địch thủ về những mất mát hay lợi ích của một hành động cụ thể nào đó. Các chiến lược áp đặt tổn thất (còn gọi là chiến lược răn đe bằng trả đũa, hay răn đe bằng trừng phạt) cố gắng tạo hiệu ứng răn đe bằng cách áp đặt những mức tổn thất không thể chấp nhận được lên một địch thủ nếu địch thủ đó thực hiện một hành động nhất định nào đó. Ví dụ, vào thời Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ nỗ lực răn đe Mát-xcơ-va không xâm chiếm Tây Âu thông qua đe dọa đáp trả bằng một cuộc đánh bom hạt nhân lớn.

Khi xem xét biện pháp răn đe, nhiều nhà phân tích chỉ nghĩ đến mặt răn đe bằng trả đũa, những các nhà nghiên cứu lý thuyết răn đe cũng phát triển một kiểu chiến lược răn đe thứ hai: các chiến lược phủ định lợi ích, hay răn đe bằng phủ định, giúp tạo hiệu ứng răn đe bằng cách đe dọa từ chối trao cho đối thủ những lợi ích của một hành động nhất định. Nếu như các chiến lược áp đặt tổn thất đe dọa trả đũa, thì các chiến lược phủ định lợi ích lại đe dọa gây nên sự thất bại. Nếu các tác nhân tin rằng họ không thể có được hay đạt được những lợi ích quan trọng từ một hành động nào đó, họ có thể bị thoái chí không hành động nữa. Ví dụ, trong lĩnh vực hạt nhân, hệ thống phòng thủ tên lửa thi thoảng cũng được xem là giúp tạo hiệu ứng răn đe bằng cách thuyết phục đối thủ rằng chỉ một phần nhỏ trong số các đầu đạn hạt nhân là có thể chạm tới mục tiêu cần đến, làm giảm các lợi ích của một vụ phóng hạt nhân. Thực vậy, theo Giáo sư Glenn Snyder, một chiến lược phủ nhận lợi ích thậm chí có thể “là cách răn đe uy lực hơn” bởi lẽ việc đe dọa phủ định một cuộc tấn công tự nó sẽ khả tín hơn là đe dọa trả đũa bằng cách tấn công lại.<sup>6</sup>

Răn đe khác với các kiểu chiến lược khác như phòng vệ. Có một ranh giới mỏng manh giữa chiến lược răn đe bằng phủ định với chiến lược phòng vệ bởi vì các động thái phòng vệ có thể có tác động răn đe và khả năng răn đe có thể trợ giúp hoạt động phòng vệ. Để phân biệt các loại phương pháp này, chúng tôi tuân

---

<sup>6</sup> Glenn H. Snyder, *Deterrence and Defense: Toward a Theory of National Security* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1961), p. 16.

theo những nghiên cứu đi trước trong việc định nghĩa các chính sách phòng vệ là những chính sách căn bản được dành để chống đỡ đối thủ trong một vụ tấn công, và các chính sách răn đe là những chính sách nhằm thuyết phục một địch thủ không tấn công ngay từ đầu. Mặc dù lối phân biệt này có vẻ kinh viện, nó lại chứa đựng những tác động chính sách quan trọng như được mô tả chi tiết dưới đây.

## **Răn đe: Xưa và nay**

Có rất nhiều điểm khác biệt quan trọng, mà ba trong số đó được nhấn mạnh ở đây, giữa cách hiểu của chúng ta về chiến lược răn đe khi nó được phát triển dưới thời Chiến tranh Lạnh với khi nó được đưa vào cuộc chiến chống khủng bố. *Thứ nhất*, có nhiều kẻ địch cần phải răn đe hơn trong cuộc chiến chống khủng bố. Vào thời Chiến tranh Lạnh, chính sách răn đe của Hoa Kỳ muốn tác động tới việc đưa ra quyết định của một địch thủ duy nhất, đó là Liên Xô. Chừng nào các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ còn hiểu thấu đáo tiến trình ra chính sách ở điện Kremlin, thì họ còn có thể hy vọng đưa ra những chính sách phù hợp để răn đe Mátxcơva. Ngược lại, trong cuộc chiến chống khủng bố, Hoa Kỳ phải đối mặt với rất nhiều kẻ thù dưới dạng những mạng lưới khủng bố khác nhau và, trong mỗi mạng lưới khủng bố, có rất nhiều cá nhân cũng như nhóm người có quyền ra quyết định độc lập cũng như có khả năng gây tổn hại đến các lợi ích của Hoa Kỳ. Do đó, các nhà hoạch định chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ cảm thấy khó khăn hơn nhiều khi muốn hiểu chính xác từng địch thủ và đưa ra các chính sách phù hợp để răn đe tất cả các dạng khủng bố.

Điểm *thứ hai* cũng liên quan tới điểm trước, đó là chiến lược răn đe đã từng có tác động tuyệt đối, nhưng giờ đây chỉ còn là một phần. Nếu như những lời đe dọa thời Chiến tranh Lạnh không thành công và Liên Xô phát động một cuộc xâm lược Tây Âu, hay một vụ đánh bom hạt nhân khủng khiếp, thì các lợi ích của Hoa Kỳ, và có lẽ cả sự tồn tại của bản thân nó, cũng sẽ bị đe dọa nghiêm trọng. Ngược lại, chiến lược răn đe chủ nghĩa khủng bố cùng lắm cũng chỉ có thể có tác động một phần. Hoa Kỳ không thể răn đe toàn bộ hoạt động khủng bố, nhưng chừng nào Washington còn có thể làm một vài kiểu khủng bố ngăn ngại không thực hiện một vài loại hoạt động khủng bố nào đó, thì chiến lược răn đe vẫn còn có thể hỗ trợ cho các mục tiêu an ninh quốc gia.

Điều này đưa đến điểm *thứ ba*: vào thời Chiến tranh Lạnh, chiến lược răn đe là trụ cột chính trong chính lược của Hoa Kỳ chống lại Liên Xô, nhưng trong cuộc chiến chống khủng bố, nó chỉ nên là một yếu tố nằm trong một chiến lược lớn hơn. Một chiến lược tổng quát đòi hỏi các chiến dịch để tấn công và phá hoại mạng lưới

khủng bố, các hoạt động phòng thủ để bảo vệ nước nhà, và các nỗ lực để đối đầu với sự hậu thuẫn về ý thức hệ dành cho chủ nghĩa khủng bố. Tuy nhiên, chiến lược rắn đe góp phần trực tiếp vào việc hoàn thành các mục tiêu trên và, như chúng ta sẽ thấy dưới đây, là một phần thiết yếu cho một chiến lược chống khủng bố hiệu quả.

## **Phân tách các mạng lưới khủng bố**

Để đưa ra một chiến lược thích hợp cho việc rắn đe chủ nghĩa khủng bố, cần phải chia tách một mạng lưới khủng bố ra thành từng phần. Dẫu nhiều nhà quan sát chỉ xem khủng bố như những tên lính trực chiến thực hiện các vụ tấn công, thực tế lại có nhiều nhân tố khác trong một mạng lưới khủng bố: những tu sĩ cực đoan thuyết giảng những bài giảng đạo kích động bạo lực, các tay tài phiệt cấp tiền cho hoạt động khủng bố, và các thủ lĩnh ban lệnh tấn công. Do đó, việc rắn đe các hoạt động này cũng có thể quan trọng không kém việc trực tiếp ngăn chặn các cuộc tấn công. Một chiến lược chống khủng bố toàn diện hướng đến việc phá hoại và rắn đe các hoạt động thuộc những phần cốt yếu của một mạng lưới khủng bố.

Phân tách một mạng lưới khủng bố thành từng phần có thể cho thấy rõ cách những tên khủng bố trong những vai trò khác nhau tính toán được mất ra sao. Thứ nhất, các cá nhân có thể lựa chọn vai trò dựa trên thiên hướng riêng. Đơn cử như một người ủng hộ một phong trào khủng bố, nhưng lại rất quý tính mạng của mình, sẽ ít có khả năng xung phong đi đánh bom tự sát và nhiều khả năng sẽ chọn hỗ trợ tài chính hay thứ khác. Ngoài ra, vai trò mà một cá nhân nắm giữ trong một mạng lưới khủng bố có thể, theo thời gian, định hình nên thiên hướng của người đó. Ví dụ, những tên cầm đầu có thể đặt mạng sống của mình cao hơn những kẻ khác vì chúng tin rằng sự sống còn của chúng là thiết yếu cho việc duy trì phong trào khủng bố. Với cách nhận thức này, Hoa Kỳ có thể cải thiện các chiến lược rắn đe của mình. Ví dụ, đe dọa trả đũa có lẽ sẽ hiệu quả hơn đối với những nhân tố nào trong mạng lưới khủng bố mà xem trọng sinh mạng và tài sản của chúng, ví dụ như các thủ lĩnh, tài phiệt và giới tu sĩ, trong khi đó chiến lược phủ định sẽ tương đối nặng ký hơn khi chống lại những nhân tố khác như những tên lính trực chiến.

## **Các chiến lược để rắn đe chủ nghĩa khủng bố**

Phần này trình bày bốn chiến lược mà Hoa Kỳ có thể sử dụng để rắn đe chủ nghĩa khủng bố (xem Bảng: Bộ công cụ rắn đe). Ta sẽ bắt đầu bằng việc thảo luận về chiến lược áp đặt tổn thất (đáp trả trực tiếp và gián tiếp). Những chiến lược này

hướng tới việc răn đe hành vi khủng bố thông qua việc đe dọa trả đũa thích đáng. Phần này sau đó sẽ tiếp tục xem xét các chiến lược phủ định lợi ích cấp chiến thuật và chiến lược. Những sách lược này cố gắng răn đe chủ nghĩa khủng bố bằng cách đe dọa gây thất bại.

### **Bảng: Bộ công cụ răn đe**

	<b>Áp đặt tổn thất</b>	<b>Phủ định lợi ích</b>
<b>Tiếp cận trực tiếp</b>	<u>Đáp trả trực tiếp:</u> Đe dọa trả đũa những phần tử quá khích bạo lực Ví dụ: đe dọa bỏ tù những tu sĩ cổ xúy bạo lực	<u>Phủ định-cấp chiến thuật</u> Đe dọa làm thất bại chiến thuật Ví dụ: ra sức củng cố an ninh nội địa
<b>Tiếp cận gián tiếp</b>	<u>Đáp trả gián tiếp</u> Đe dọa trả đũa lên những điều quý giá đối với các phần tử quá khích bạo lực Ví dụ: đe dọa gây ra các tổn thất (như hạn chế đi lại, đánh thuế, vv...) đối với gia đình của phần tử khủng bố	<u>Phủ định-cấp chiến lược</u> Đe dọa làm thất bại chiến lược Ví dụ: tuyên bố rằng yêu sách đòi rút quân đội Mỹ ra khỏi Trung Đông sẽ không được đáp ứng, dù cho có bị khủng bố tấn công

### ***Đáp trả trực tiếp***

Chiến lược đáp trả trực tiếp hướng đến việc làm một đối thủ chùn bước bằng cách đe dọa trả đũa địch thủ này vì đã có hành động thù địch. Kiểu chiến lược này có lẽ là dạng răn đe được biết đến rộng rãi nhất. Những chiến lược loại này thi thoảng cũng được gọi là các chiến lược “trả đũa” hay “trừng phạt”. Mặc dù có lẽ đúng là khó để răn đe những kẻ đánh bom tự sát bằng những lời dọa trả đũa, nhưng không phải tất cả thành viên của một mạng lưới khủng bố đều đánh bom tự sát. Có nhiều thủ lĩnh khủng bố, các nhà tài phiệt, những kẻ hậu thuẫn, các tu sĩ cực đoan, và những thành viên khác của một mạng lưới khủng bố xem trọng mạng sống và tài sản của mình. Những lời đe dọa đơn giản như bỏ tù hay truy giết nhằm vào những nhân vật này có thể hãm bớt hoạt động khủng bố.

Ví dụ, Vương quốc Anh đã cho thấy việc đe dọa bỏ tù có thể răn đe được các giáo sĩ cực đoan thôi không giảng những bài kinh kích động. Trước năm 2005, rất nhiều tu sĩ chi phối các giáo dân trong các nhà thờ Hồi giáo ở Luân Đôn và công khai ủng hộ chủ nghĩa khủng bố chống lại các thế lực phương Tây. Sheikh Omar Bakri Mohammed đã rao giảng rằng các tín đồ Hồi giáo sẽ tặng cho phương Tây

“một vụ 11/9 ngày này sang ngày khác” trừ phi các chính phủ phương Tây thay đổi chính sách của mình ở Trung Đông.<sup>7</sup> Các tu sĩ này sống một cuộc sống sung túc, làm cho họ dễ bị tổn thương trước các chiến lược áp đặt tổn thất. Nhiều người sống trong những dinh thự khàng trang ở những khu thượng lưu của Luân Đôn và thi thoảng người ta trông thấy họ ở cùng gia đình vào những dịp cuối tuần, mang bên mình những chiếc túi mua sắm lớn từ các cửa hàng thời trang.<sup>8</sup> Sau những vụ đánh bom khủng bố vào tháng 7 năm 2005 ở Luân Đôn, Tony Blair tuyên bố ý định thông qua luật cấm “tán dương chủ nghĩa khủng bố.”<sup>9</sup> Luật này, được thông qua vào tháng 3 năm 2006, có hiệu quả ngay tức thì. Thay vì đối mặt với việc bị truy tố bởi chính quyền Anh, các vị tu sĩ tiêu biểu đã rời bỏ Vương quốc Anh đến nước khác, hay chuyển giọng hầu như chỉ qua một đêm, rút lại những lời kêu gọi kích động bạo lực trước đó và lên tiếng chống chủ nghĩa khủng bố.<sup>10</sup> Mặc dù luật “chống tán dương” của Anh làm dấy lên những vấn đề rắc rối về tự do công dân (nhiều người chống đối xem nó như một lệnh cấm một phần đối với tự do ngôn luận), nó cũng cho thấy có thể ngăn được các giáo sĩ cực đoan thôi không thuyết giảng những bài kinh kích động bạo lực bằng cách đe dọa bỏ tù.

Hơn thế nữa, vài lời đe dọa trả đũa cũng răn đe được các phần tử khác trong mạng lưới hậu thuẫn của một tổ chức khủng bố. Ví dụ, theo Báo cáo của thành viên Ủy ban điều tra vụ 11 tháng 9, cuộc rà soát của chính phủ Saudi Arabia về các đối tượng tài trợ sau vụ 11/9 có vẻ như đã tìm thấy được phần nào việc cung cấp tài chính cho khủng bố.<sup>11</sup>

Bài học cho cuộc chống khủng bố đã rõ: lời đe dọa đơn giản sẽ trừng phạt các cá nhân dính líu tới hoạt động khủng bố có thể tạo nên hiệu ứng răn đe đáng kể. Do đó, Hoa Kỳ nên cộng tác nhiều hơn với bạn bè và đồng minh để áp đặt các luật lệ (nơi nào chưa có luật) nhằm trừng phạt các hoạt động khủng bố, phát triển các năng lực và quan hệ đối tác để nâng cao khả năng nhận diện những kẻ tham gia vào hoạt động khủng bố, và đảm bảo rằng bọn khủng bố - dù hoạt động trên các chiến trường ở Afghanistan hay trên đường phố Luân Đôn - sẽ nhận được sự trừng phạt thích đáng. Trong vài trường hợp, đó sẽ là một lệnh phạt tù; trong vài

---

<sup>7</sup> Elaine Sciolino and Don Van Natta, “For a Decade, London Thrived as a Busy Crossroads of Terror,” New York Times, July 10, 2005, <http://www.nytimes.com/2005/07/10/international/europe/10qaeda.html?pagewanted=all>.

<sup>8</sup> Jon Ronson, *Them: Adventures with Extremists* (New York: Simon and Schuster, 2002).

<sup>9</sup> “Blair: World Slept After 9/11,” CNN.com, July 26, 2005,

<http://www.cnn.com/2005/WORLD/europe/07/26/london.politicians/index.html>.

<sup>10</sup> James Brandon, “The Next Generation of Radical Islamist Preachers in the UK,” *Terrorism Monitor* 6, no. 13 (June 2008), [http://www.jamestown.org/single/?no\\_cache=1&tx\\_ttnews\[tt\\_news\]=5013](http://www.jamestown.org/single/?no_cache=1&tx_ttnews[tt_news]=5013).

<sup>11</sup> John Roth, Douglas Greenburg, and Serena Wille, “National Commission on Terrorist Attacks Against the United States: Monograph on Terrorist Financing,” [http://govinfo.library.unt.edu/911/staff\\_statements/911\\_TerrFin\\_Monograph.pdf](http://govinfo.library.unt.edu/911/staff_statements/911_TerrFin_Monograph.pdf).

trường hợp khác, đó là một cuộc không kích bằng máy bay không người lái Predator.

Ngoài ra, có thể khiến các tổ chức khủng bố chùn chân bằng việc đe dọa trả đũa. Trong khi ta chẳng lạ gì việc bọn khủng bố không có quê hương, có nhiều tổ chức khủng bố lớn thực tế lại phụ thuộc nặng nề vào nơi trú ẩn an toàn để hoạt động. Hamas kiểm soát dải Gaza, Hezbollah có Lebanon, và trước vụ 11/9, al-Qaeda nương tựa vào nơi ẩn ở Afghanistan. Khi một nước có thể đe dọa tước đi một chỗ ẩn náu an toàn quan trọng, các thủ lĩnh khủng bố sẽ bị kìm chân. Đơn cử, Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro (MILF) ở Philippines đã thôi không hợp tác với Jemaah Islamiyah và al-Qaeda do lời đe dọa trả đũa của Hoa Kỳ.<sup>12</sup>

Điều cuối cùng, và rõ ràng nhất, là các quốc gia giúp đỡ khủng bố dễ bị ảnh hưởng trước các chiến lược đáp trả trực tiếp.<sup>13</sup> Sau vụ 11/9, lời đe dọa của Tổng thống Bush rằng nước Mỹ sẽ đối xử như nhau với bọn khủng bố và các quốc gia giúp đỡ chúng đã khiến nhiều nước phải xem xét lại những quan hệ truyền thống với các nhóm vũ trang phi quốc gia.<sup>14</sup> Hoa Kỳ đưa ra một đợt hăm dọa nữa vào năm 2005, thề sẽ bắt các quốc gia phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu họ cung ứng cho bọn khủng bố các vật liệu dùng để tạo bom hạt nhân.<sup>15</sup> Lời đe dọa này, nếu được đảm bảo bằng những kỹ thuật hữu hiệu để truy nguồn cung cấp hạt nhân, có thể răn đe việc các quốc gia chuyển giao vũ khí hay nguyên liệu hạt nhân cho các tổ chức khủng bố.<sup>16</sup>

Hiển nhiên tiềm ẩn rất nhiều hạn chế trong chiến lược đáp trả trực tiếp. Thứ nhất, những thành phần nòng cốt của mạng lưới khủng bố, tức những kẻ đánh bom liều chết, có thể sẽ không bị ảnh hưởng bởi những lời đe dọa trả đũa. Đối với loại khủng bố này, chiến lược phủ định sẽ thích hợp hơn. Một hạn chế thứ hai xuất phát từ mâu thuẫn khó tránh khỏi giữa răn đe và chiến tranh. Để thành công, một lời đe dọa đáp trả trực tiếp phải dựa trên hành vi của địch thủ. Nếu các cá nhân hay nhóm chính trị nghĩ rằng họ sẽ trở thành mục tiêu trong cuộc chiến chống khủng bố của Hoa Kỳ mặc cho họ có làm gì đi nữa, họ sẽ thiếu động lực để kiềm

---

<sup>12</sup> Robert F. Trager and Dessislava P. Zagorcheva, "Deterring Terrorism: It Can Be Done," *International Security* 30, no. 3 (Winter 2005/06): pp. 87—123.

<sup>13</sup> Daniel Byman, *Deadly Connections: States that Sponsor Terrorism* (New York: Cambridge University Press, 2005).

<sup>14</sup> George W. Bush, "Statement by the President in His Address to the Nation," September 20, 2001, [http://www.washingtonpost.com/wp-srv/nation/specials/attacked/transcripts/bushaddress\\_092001.html](http://www.washingtonpost.com/wp-srv/nation/specials/attacked/transcripts/bushaddress_092001.html).

<sup>15</sup> "Remarks by the National Security Advisor, Stephen Hadley, to the Center for International Security and Cooperation," Stanford University, February 8, 2008, <http://merln.ndu.edu/archivepdf/wmd/WH/20080211-6.pdf>.

<sup>16</sup> Caitlin Talmadge, "Deterring a Nuclear 9/11," *The Washington Quarterly* 30, no. 2 (Spring 2007): pp. 21—34, [http://www.twq.com/07spring/docs/07spring\\_talmadge.pdf](http://www.twq.com/07spring/docs/07spring_talmadge.pdf).



chế. Vì lẽ đó, Washington phải bổ sung chính sách răn đe bằng chính sách trấn an. Chính quyền phải cam kết chắc chắn rằng những đối tượng biết từ bỏ hoạt động khủng bố sẽ không bị trừng phạt.<sup>17</sup>

### ***Đáp trả gián tiếp***

Chiến lược đáp trả gián tiếp răn đe bằng việc dọa sẽ trả đũa, nhưng không phải lên bọn khủng bố, mà lên những gì chúng yêu quý. Khi gặp khó khăn trong việc trả đũa những tên khủng bố cụ thể, các nước có thể đe dọa (hay thuyết phục bọn khủng bố tin rằng hoạt động của chúng có thể làm hại) những điều mà chúng quý trọng như gia đình, của cải, và cộng đồng. Một đơn cử cho chiến lược đáp trả gián tiếp là chính sách ngày trước của Israel nhằm phá hoại nhà cửa của gia đình những kẻ đánh bom liều chết. Israel không thể đe dọa trừng phạt những kẻ đánh bom tự sát vì chúng đã chết sau khi đánh bom thành công, nhưng nước này lại trả đũa lên gia đình chúng. Chính sách này buộc những kẻ sắp đánh bom tự sát phải cân nhắc giữa những lợi ích về vinh quang cá nhân và cái tiếng tử vì đạo với cái giá phải trả là sự vô gia cư của gia đình thân quyến. Israel sau đó đã bãi bỏ lỗi chống khủng bố này nhưng có bằng chứng cho thấy nó đã ngăn được nhiều vụ đánh bom tự sát.<sup>18</sup>

Mặc dù chiến lược đáp trả gián tiếp, theo cách chúng ta nhìn nhận cho tới nay, đã chứng tỏ là không khả thi bởi tính tàn nhẫn của nó, nhưng các nước vẫn có thể nghĩ đến những cách khác khôn ngoan hơn. Ví dụ, các nước có thể áp thuế hay hạn chế di chuyển đối với gia đình bọn khủng bố. Dù ít khắc nghiệt hơn việc phá hoại nhà cửa, các hình phạt này vẫn có thể tác động lên cách phân tích thiệt hơn của bọn khủng bố. Tuy vậy biện pháp này vẫn chưa ổn lắm. Hệ thống pháp lý ở nhiều quốc gia dựa trên quan điểm chịu trách nhiệm cá nhân, khiến cho chiến lược trừng phạt tập thể (tức là chống lại gia đình hay cộng đồng của kẻ khủng bố) có nền tảng pháp lý thiếu vững chắc.

Thay vào đó, các nước có thể vận dụng các chiến lược cốt chỉ để bọn khủng bố nhận thức được rằng hoạt động khủng bố sẽ tác động xấu đến gia đình và cộng đồng của chúng như thế nào. Ví dụ, giáo sư Thomas Schelling cho rằng bọn khủng bố Hồi giáo cực đoan có thể thấy ngần ngại không tiến hành một cuộc tấn công bằng vũ khí sinh học nếu thuyết phục được chúng rằng việc làm bùng phát một căn bệnh truyền nhiễm ở phương Tây, do sự liên hệ lẫn nhau trong thế giới hiện đại, có

<sup>17</sup> On the connection between threats and promises in deterrence, see Thomas Schelling, *Strategy of Conflict* (Cambridge: Harvard University Press, 1960), p. 12.

<sup>18</sup> Efraim Benmelech, Claude Berrebi, and Esteban Klor, "Counter-Suicide-Terrorism: Evidence from House Demolitions," working paper presented at UCSD IGCC Terrorism Research Conference, San Diego, CA, June 27, 2009.

thể quay ngược trở lại, giết chết nhiều tín đồ Hồi giáo ở Trung Đông.<sup>19</sup> Dẫu trong quá khứ chiến lược đáp trả gián tiếp đã từng làm thoái chí bọn khủng bố, nhưng hiện tại, chiến lược này có lẽ là phương pháp kém thuyết phục nhất khi muốn làm thoái chí những kẻ khủng bố. Tuy nhiên, việc cân nhắc chiến lược đáp trả gián tiếp, với tất cả những thiếu sót kèm với nó, có thể cho ta cái nhìn thấu đáo về những chiến lược khác khả thi hơn trong tương lai.

### ***Phủ định cấp chiến thuật***

Chiến lược phủ định cấp chiến thuật, nói một cách đơn giản, là chiến lược đe dọa gây thất bại ở cấp độ chiến thuật. Nó răn đe khủng bố bằng cách đe dọa từ chối trao cho bọn khủng bố cơ hội thực hiện thắng lợi một vụ tấn công. Nếu những tên khủng bố tin rằng một vụ công kích có thể gặp thất bại, chúng sẽ thiếu động lực để tiêu phí thời giờ và nguồn lực vào việc cố gắng thực hiện nó. Ngược lại, chiến lược phủ định cấp chiến lược, điều mà ta sẽ bàn dưới đây, cố gắng từ chối cho bọn khủng bố được hưởng những ích lợi của một vụ tấn công thắng lợi. Trong khi đó, phủ định cấp chiến thuật lại nhằm đến việc không cho phép vụ tấn công được thực hiện thành công.

Chúng ta biết rằng những tên trùm khủng bố và bọn lính trực chiến đều rất coi trọng sự thành công của tác chiến, nhưng với những lý do không giống nhau. Những kẻ cầm đầu xem các vụ tấn công thắng lợi phần nào như phương tiện tốt nhất để thu hút sự chú ý, những nguồn tài trợ mới, và những thành viên mới cho mạng lưới khủng bố. Một vụ tấn công bị phá ngang có thể gây tác động ngược chiều, làm thụt lùi và gây suy yếu phong trào khủng bố. Chính Osama bin Laden đã từng nói “Khi ta trông thấy một con ngựa khoẻ và một con ngựa yếu, tự nhiên ta sẽ thấy thích con ngựa khoẻ.”<sup>20</sup> Đám lính trực chiến cũng xem trọng thắng lợi trong tác chiến: những tên đánh bom tự sát không muốn phí phạm danh xưng tử vì đạo và vinh quang của chúng vào một vụ thất bại. Hơn nữa, những tên lính trực chiến dường như không chỉ bận tâm về việc liệu cuộc tấn công của chúng có thắng lợi hay không, mà còn về việc liệu chiến thắng đó mỹ mãn đến đâu. Ví dụ, trước khi thực thi một nhiệm vụ liều chết, một thanh niên Iraq đã nói hẳn ta hy vọng có thể

<sup>19</sup> Thomas Schelling, interview with the author, Zurich, Switzerland, November 2009.

<sup>20</sup> James Poniewozik, “The Banality of bin Laden,” Time, December 13, 2001, <http://www.time.com/time/nation/article/0,8599,188329,00.html>.

giết đủ số người Mỹ.<sup>21</sup> Trong suy nghĩ của hắn, danh hiệu tử vì đạo của hắn có thể bị đe dọa nếu cuộc tấn công chỉ giết được số binh sĩ đếm trên đầu ngón tay.

Khi biết được mức độ coi trọng mà bọn khủng bố dành cho thành công trong tác chiến, các nước có thể răn đe khủng bố bằng cách thuyết phục chúng rằng cuộc tấn công có thể thất bại. Vì lẽ này, các biện pháp an ninh nội địa đơn giản có thể răn đe các cuộc tấn công khủng bố. Cải thiện tình báo trong nước và củng cố các mục tiêu chính sẽ là trở ngại lớn cho cuộc tấn công. Thực tế, chúng ta đã biết đến nhiều trường hợp mà bọn khủng bố đã chùn bước không muốn tiến công vì sợ thất bại. Đơn cử, một chi nhánh tổ chức al-Qaeda dự định công phá một căn cứ quân sự Mỹ tại Thổ Nhĩ Kỳ vào cuối năm 2003, nhưng Hoa Kỳ đã cải tiến hệ thống phòng vệ của mình tại đây trong lúc chúng còn đang lên kế hoạch, và nhóm khủng bố buộc phải huỷ bỏ cuộc tấn công.<sup>22</sup>

Dĩ nhiên không thể bảo vệ được mọi mục tiêu trong dự tính, và bọn khủng bố sẽ liên tục dời trọng tâm khỏi các mục tiêu đã được củng cố để chuyển sang các mục tiêu yếu hơn. Tuy nhiên, điểm này vừa là ưu điểm vừa là hạn chế trong cuộc chiến chống khủng bố. Sau rốt, chính bên chống khủng bố phải lựa chọn mục tiêu nào cần được phòng vệ và với cái giá nào.

Ví dụ, ta có thể hướng tới việc triển khai hiệu quả các biện pháp an ninh nội địa để giúp răn đe các cuộc tấn công khủng bố sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD). Để thực hiện thành công một vụ tấn công bằng WMD, bọn khủng bố sẽ phải hoàn thiện rất nhiều công đoạn khó khăn. Các biện pháp được Hoa Kỳ sử dụng để giảm thiểu cơ hội thành công của một vụ tấn công khủng bố bằng WMD vì vậy sẽ có tác dụng răn đe. Ví dụ, khi Hoa Kỳ nâng cao năng lực dò tìm phóng xạ tại các cửa khẩu biên giới, khả năng một tên chuyển lậu vật liệu hạt nhân qua biên giới bị bắt và vật liệu phóng xạ bị tịch thu sẽ tăng lên. Căn cứ vào mức độ coi trọng của bọn khủng bố đối với loại nguyên liệu hạt nhân quý hiếm và quan trọng chiến lược này, chúng thậm chí sẽ không muốn mang nó vào đất Mỹ, do nguy cơ bị tịch thu rất cao.

Một người chống đối có thể sẽ phản bác lại rằng Hoa Kỳ đã bắt đầu tiến hành cải thiện an ninh nội địa rồi và việc này đang được tiến hành vì mục đích phòng vệ chứ không phải răn đe. Tuy nhiên, lời phản bác này đã cố tình lờ đi một trong những câu hỏi tối quan trọng về chính sách chống khủng bố của Hoa Kỳ: liệu các biện pháp an ninh nội địa nên chủ yếu nhằm tới việc răn đe hay là việc phòng

<sup>21</sup> Bobby Ghosh, "Inside the Mind of an Iraqi Suicide Bomber," Time, June 26, 2005, <http://www.time.com/time/magazine/article/0,9171,1077288,00.html>.

<sup>22</sup> Lloyd De Vries, "Turks Bust Alleged Qaeda Plotter," CBS News, December 19, 2003, <http://www.cbsnews.com/stories/2003/12/17/terror/main588982.shtml>.

vệ? Chúng tôi cho rằng chính sách an ninh nội địa nên chủ yếu hướng vào việc răn đe. An ninh nội địa không nên lấy việc chống đỡ hằng hà sa số những lần và phương pháp tấn công khủng bố làm mục đích. Thực tế, nếu xảy ra việc binh lực Hoa Kỳ phải ngăn chặn một vụ tấn công vào phút cuối, thì hệ thống an ninh nội địa coi như đã thất bại. Thay vào đó, Hoa Kỳ nên hướng đến việc răn đe chủ nghĩa khủng bố. Washington nên gửi đi thông điệp rằng chúng ta luôn sẵn sàng và rằng việc cố gắng tấn công sẽ không có lợi cho bọn khủng bố. Mục đích của việc xây dựng các rào chắn vững chắc xung quanh đài tưởng niệm Washington không phải để cho những tên khủng bố đâm những chiếc xe tải chất đầy thuốc nổ vào rào cản ngày này sang ngày khác. Thay vào đó, ta hy vọng rằng bọn khủng bố sẽ trông thấy vật cản và sẽ quyết định không tấn công ngay từ đầu.

Nhận thức sâu sắc này chứa đựng những gợi mở quan trọng về cách thức chúng ta tổ chức an ninh nội địa. Thứ nhất, an ninh nội địa không nên tập trung phần nhiều vào phòng vệ. Chúng ta không thể trông đợi sẽ ngăn chặn được mọi kiểu tấn công khả dĩ. Thay vào đó, ta nên hướng vào mục tiêu nâng cao khả năng khủng bố nhận thức được rằng vụ tấn công sẽ bị chặn đứng và vì vậy không nên cố gắng tấn công làm gì. Với mục tiêu trên, một vòng phòng vệ hoàn hảo sẽ là quá mức (và không cách nào đạt được). An ninh nội địa có thể trông cậy nhiều hơn vào các biện pháp như kiểm tra ngẫu nhiên và những đợt gia tăng định kỳ cấp độ an ninh ở những vị trí chủ chốt. Những biện pháp như vậy khiến bọn khủng bố mất cảnh giác, và chúng lại ít tốn kém hơn một lớp phòng thủ kiên cố, và nếu được hoạch định tốt, thì sẽ đủ làm thoái lui những vụ tấn công khủng bố.

Thêm vào đó, bên cạnh cấp độ phòng thủ khách quan, Hoa Kỳ có thể sử dụng các biện pháp để định hình nhận thức *chủ quan* của các phần tử khủng bố về năng lực chống khủng bố của nước mình. Răn đe là một mối quan hệ tâm lý. Nếu phe khủng bố tin rằng Washington có thể chặn đứng một cuộc tấn công, chúng có thể ngần ngại không dám tấn công dù Washington có thực sự làm được điều đó hay không. Bởi vậy, các nước nên đưa ra những chính sách truyền thông chiến lược để khiến phe khủng bố tin rằng cuộc tấn công có thể thất bại. Ví dụ, Hoa Kỳ có thể công khai phạm vi và cường độ của các biện pháp an ninh nội địa. Có lẽ, quan trọng hơn là Hoa Kỳ nên bỏ qua một bên những quan ngại không cần thiết về bảo mật và sẵn sàng công khai những vụ tấn công đã bị chặn đứng. Truyền đi những tấm gương khủng bố đã thất bại sẽ khiến những kẻ âm mưu khủng bố đánh giá lại khả năng thành công của chính mình.

Các nước cũng có thể tạo ra hiệu ứng răn đe bằng cách cải thiện và tuyên truyền về khả năng hồi phục của nước mình, bao gồm việc lập kế hoạch đầy đủ để

ứng phó với các thảm họa cũng như chuẩn bị các hệ thống phản ứng khẩn cấp. Chẳng hạn nếu cho rằng Hoa Kỳ có một hệ thống vững chắc đang sẵn sàng làm giảm tác động của một cuộc tấn công phóng xạ, bọn khủng bố sẽ thấy chùn bước.

Nước Mỹ đã từng đưa ra những lời đe dọa phủ định trực tiếp. Ví dụ, sau vụ 11/9, Hoa Kỳ tuyên bố sẽ bắn hạ các máy bay bị cướp.<sup>23</sup> Nếu bọn khủng bố lo rằng Hoa Kỳ sẽ bắn hạ máy bay trước khi chúng đến được mục tiêu, chúng sẽ thiếu hẳn động lực tiến hành vụ đâm máy bay. Chính sách mới của Hoa Kỳ có lẽ đã răn đe được các vụ tấn công mới kiểu 11/9. Sau lời tuyên bố, phe khủng bố đã cố gắng cho nổ máy bay giữa không trung, chẳng hạn như âm mưu đánh bom nội y không thành vào năm 2009, thay vì đâm máy bay vào các thành phố của Hoa Kỳ.<sup>24</sup> Từ góc nhìn của Washington, sự thay đổi hành động này là một bước tiến bởi vì độ huỷ hoại của một chiếc máy bay rơi sẽ thấp hơn mức tàn phá của một vụ đâm máy bay cố tình vào một khu vực thành thị lớn.

Tóm lại, các nước có thể răn đe khủng bố bằng cách đe dọa gây thất bại ở cấp độ chiến thuật. Nếu bọn khủng bố lo sợ tấn công thất bại, chúng sẽ thoái chí. Vì lẽ đó, Washington nên đưa ra chính sách an ninh quốc gia với ý niệm răn đe chứ không chỉ phòng vệ. Việc này sẽ cho chúng ta một mức bảo vệ tương đương nhưng chỉ phải trả một cái giá nhỏ so với thiệt hại đối với nền kinh tế và lối sống của Hoa Kỳ.

### ***Phủ định cấp chiến lược***

Chính sách phủ định cấp chiến lược kìm chân bọn khủng bố bằng cách đe dọa không để cho chúng có được những lợi ích chiến lược, thậm chí cả khi vụ tấn công khủng bố thắng lợi. Bằng cách này, các chiến lược phủ định cấp chiến lược cố gắng phá vỡ mối liên hệ giữa các cuộc khủng bố thành công với mục tiêu mà chúng muốn đạt được. Bọn khủng bố có thể mất tinh thần chiến đấu nếu chúng tin rằng một loạt những vụ tấn công thành công cũng không giúp chúng đạt được những mục tiêu chính trị sâu xa mà chúng mong muốn.

Chiến lược phủ định một cách có hệ thống những mục tiêu chiến lược của khủng bố bắt đầu bằng việc nhận diện những mục tiêu đó. Có nhiều tổ chức khủng

---

<sup>23</sup> Andrew Buncombe, "U.S. Pilots Trained to Shoot Down Hijacked Planes," The Independent, October 4, 2003.

<sup>24</sup> Scott Shane and Eric Lipton, "Passengers' Quick Action Halted Attack," New York Times, December 26, 2009, <http://www.nytimes.com/2009/12/27/us/27plane.html?scp=1&sq=Scott%20Shane%20and%20Eric%20Lipton,%20%E2%80%9CPassengers%20%E2%80%99%20Quick%20Action%20Halted%20Attack&st=cse>.

bổ có chung một chiến lược cơ bản: tấn công khủng bố các mục tiêu dân thường để hăm dọa những người dân được chính phủ bảo vệ. Phe khủng bố kỳ vọng rằng những thường dân bị khủng bố sẽ gây áp lực buộc chính quyền phải hành động để chấm dứt nỗi bất an. Cuối cùng, bọn khủng bố mong rằng, để đáp lại áp lực của người dân, chính phủ sẽ phải chấp nhận nhượng bước trước những đòi hỏi chính trị của chúng để bạo lực được chấm dứt.

Các nước có thể răn đe chủ nghĩa khủng bố bằng cách nhận diện và từ chối chấp thuận, thay vì nhân nhượng, những mục tiêu mà chiến lược khủng bố tìm kiếm. Ví dụ, một vài quốc gia đã biết hạn chế những tin tức truyền thông về các vụ khủng bố để giảm mức độ truyền tin mà bọn khủng bố muốn đạt được. Chỉ đơn giản hạn chế đưa tin về những vụ tấn công khủng bố là có thể giảm được lợi thế về sức ảnh hưởng mà các tổ chức trên mong đợi. Ví dụ, sau vụ tấn công tại khu nghỉ dưỡng ở Sharm el-Sheikh, Ai Cập vào mùa hè năm 2005, chính quyền Ai Cập đã phủ một tấm màn trắng lớn lên khu khách sạn bị phá hoại.<sup>25</sup> Khi nhóm nhân viên truyền hình đến để quay cảnh một cái hố bốc khói bên phía toà nhà, điều họ nhìn thấy chỉ là một tấm màn trắng toát. Tương tự, chính phủ Israel đã thiết lập một mối quan hệ đối tác công-tư tự nguyện với giới truyền thông Israel. Các tổ chức truyền thông ở Israel đồng ý tiết chế lượng tin công bố mà họ dành cho mỗi vụ khủng bố, cố gắng cân bằng giữa quyền được biết của công chúng với nỗ lực của chính phủ nhằm chống lại lực lượng khủng bố.

Các nước cũng có thể răn đe khủng bố bằng cách khước từ khả năng gây hoảng loạn cho xã hội của bọn khủng bố. Nếu bọn khủng bố bị hạn chế khả năng gieo rắc hoảng loạn cho cộng đồng, chúng sẽ ít có khả năng tận dụng sự hoảng loạn ấy vào các mục tiêu nhượng bộ chính trị. Ví dụ, Israel cố gắng nhanh chóng khai trương lại những quán ăn nhẹ bị đánh bom sau vụ khủng bố. Khả năng hồi phục nhanh chóng báo cho dân chúng cũng như các nhóm khủng bố biết rằng tấn công khủng bố sẽ không làm hỏng được nhịp sống thường nhật.

Một vài tên khủng bố bị chi phối bởi các mục tiêu về ý thức hệ nhiều hơn là mục tiêu chính trị. Mặc dù vậy, ngay cả những kẻ này cũng thấy chùn chân nếu Hoa Kỳ có thể khước từ những mục tiêu phi vật chất này của chúng. Đơn cử là Washington có thể tiếp tục hợp tác với các tu sĩ Hồi giáo chính dòng để chỉ ra rằng tự sát là đi ngược lại với lời răn của đạo Hồi. Nếu những cá nhân này ngày càng thấy hoài nghi về việc liệu một vụ đánh bom tự sát có đưa đến sự cứu rỗi thân xác hay không, họ sẽ nhận ra rằng hoạt động khủng bố hại nhiều hơn lợi. Khước từ

<sup>25</sup> Daniel Williams, "Egypt Gets Tough in Sinai in Wake of Resort Attacks," Washington Post, October 2, 2005, [http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2005/10/01/AR2005100101293\\_pf.html](http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2005/10/01/AR2005100101293_pf.html).

những mục tiêu phi vật chất tất nhiên sẽ khó khăn, và Hoa Kỳ cần tránh công khai can thiệp vào những tranh luận về thần học Hồi giáo. Tuy nhiên nếu làm tốt, những việc này có thể răn đe được khủng bố.

Những hoạt động khủng bố Hồi giáo cực đoan cũng sử dụng chủ nghĩa khủng bố làm phương tiện để tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng Hồi giáo nói chung, còn gọi là *Ummah*. Tuy nhiên nếu thuyết phục được phe khủng bố rằng vài hành động nào đó có thể làm suy giảm sự ủng hộ trong cộng đồng *Ummah*, chúng sẽ nản lòng. Vào tháng 7 năm 2005, Ayman al-Zawahiri, phó thủ lĩnh của al-Qaeda, đã gửi thư tới Abu Musab al-Zarqawi, người cầm đầu al-Qaeda ở Iraq, yêu cầu hãy ngừng giết hại những người Hồi giáo và chặt đầu tù nhân vì nó gây ra làn sóng phản đối trong thế giới Hồi giáo.<sup>26</sup> Những nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm công khai một cách cẩn trọng những hành vi đáng xấu hổ của bọn khủng bố thông qua các bên trung gian có thể răn đe một vài kiểu khủng bố.

Tuy nhiên có lẽ quan trọng nhất là các nước có thể răn đe khủng bố bằng cách kiên quyết từ chối thoả mãn những đòi hỏi chính trị của các tổ chức này. Nếu các nhóm phi quốc gia dần tin rằng một chiến lược dựa trên khủng bố sẽ không giúp chúng có được những mục tiêu chính trị cốt yếu, theo thời gian chúng sẽ ngần ngại không lấy khủng bố làm công cụ nữa. Có lẽ vì lý do này mà nhiều quốc gia đã chính thức đưa ra chính sách từ chối đàm phán với phần tử khủng bố. Chính sách này không hoàn toàn vì nguyên nhân đạo đức, mà còn bởi quyết định mang tính chiến lược là khước từ bọn khủng bố những lợi ích từ hành động của chúng.

Hoa Kỳ có thể sử dụng chiến lược phủ định cấp chiến lược để răn đe nhóm khủng bố đối địch chính của mình, al-Qaeda. Mục tiêu chiến lược căn bản của Al-Qaeda là buộc “kẻ thù ở xa”, tức nước Mỹ, rút khỏi Trung Đông, để chúng có thể lật đổ những chế độ “bội giáo” trong khu vực và tái lập một vương quốc Hồi giáo theo chế độ luật Shari’a. Hoa Kỳ có thể răn đe al-Qaeda bằng cách đe dọa từ chối thay đổi chính sách của Mỹ ở Trung Đông khi đáp lại các vụ khủng bố. Nếu Hoa Kỳ có thể làm al-Qaeda nhận thấy rằng sự hiện diện của Mỹ tại Trung Đông vẫn vững chãi mặc cho mức độ bạo lực khủng bố mà al-Qaeda giáng lên đầu Hoa Kỳ và đồng minh của mình, thì Washington sẽ làm giảm được nhuệ khí tấn công của al-Qaeda.

Để làm cho những đe dọa phủ định cấp chiến lược có hiệu quả, các nước phải tuyên truyền thông qua rất nhiều kênh. Các nhà lãnh đạo có thể tuyên bố rằng họ sẽ không cho phép chủ nghĩa khủng bố chi phối các quyết định an ninh quốc

---

<sup>26</sup> Susan B. Glasser and Walter Pincus, “Seized Letter Outlines Al Qaeda’s Goals in Iraq,” Washington Post, October 12, 2005, <http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2005/10/11/AR2005101101353.html>.

gia. Tuy vậy, những tuyên bố ngoài miệng có thể (và thường sẽ) bị coi như lời nói rẻ tiền. Vì thế, các quốc gia cũng phải tuyên truyền thông qua hành động. Ví dụ, Thomas Schelling đã thảo luận về việc các nước có thể bắt tay hợp tác như thế nào để khiến những lời đe dọa thêm sức thuyết phục.<sup>27</sup> Ví dụ, nước Mỹ có thể tiếp tục duy trì hệ thống cơ sở hạ tầng quân sự đắt tiền cỡ lớn tại Trung Đông, như các căn cứ quân sự của Mỹ tại Qatar, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, Bahrain, và Kuwait. Chuyện này sẽ khiến Washington khó lòng mà rời bỏ khu vực ngay cả khi xảy ra những vụ khủng bố thành công.

Thêm vào đó, các nước có thể tăng tính thuyết phục trong lời đe dọa của mình bằng việc thể hiện sự cứng rắn. Các nhóm khủng bố sẽ ít có khả năng nhắm vào những nước nổi tiếng là kiên quyết không đàm phán với khủng bố. Nước Mỹ hiện giờ không may lại có tiếng là nhanh chóng khuất phục trước những đòi hỏi của bọn khủng bố. Đơn cử là sau vụ tấn công của Hezbollah năm 1983 vào doanh trại hải quân ở Beirut, Hoa Kỳ nhanh chóng rút hết quân khỏi Lebanon.<sup>28</sup> Ngoài ra, quyết định rút quân ra khỏi Ả-rập Xê-út của Hoa Kỳ vào năm 2003 được nhiều người xem là sự nhượng bộ trước al-Qaeda sau vụ 11/9.<sup>29</sup>

Để lấy lại uy tín, Hoa Kỳ nên thông qua một chính sách nhấn mạnh ý định của Washington là khước từ những đòi hỏi chiến lược của khủng bố và sau đó nhất quyết theo đuổi ý định này đến cùng. Những quyết định về lực lượng Hoa Kỳ trong tương lai không được để bị ảnh hưởng bởi những mong muốn của các tổ chức khủng bố. Thực vậy, giữ vững lập trường khi phải đối mặt với những vụ khủng bố giờ đây có lẽ là con đường duy nhất để phục hồi uy tín của Washington và ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố trong thời gian tới.

Theo các tài liệu chiến lược an ninh sau vụ 11/9, Hoa Kỳ sẽ cố gắng chống lại nguồn hậu thuẫn về ý thức hệ của chủ nghĩa khủng bố một phần bằng cách biến chiến thuật khủng bố trở nên phi pháp.<sup>30</sup> Nhưng khi đối đầu với một kẻ thù nguy hiểm, sẽ khôn ngoan hơn khi đánh vào lợi ích thay vì đạo đức. Nhiều nhà phân tích cho rằng khủng bố có khuynh hướng nở rộ không phải là vì đó là một chiến lược hợp đạo lý, mà vì nó hiệu quả đến mức tàn nhẫn. Các cấp độ khủng bố quốc tế sẽ chỉ thuyên giảm nếu những kẻ khủng bố tin rằng khủng bố không còn là phương

<sup>27</sup> Thomas Schelling, *Arms and Influence* (Yale University Press, 1967).

<sup>28</sup> Rick Hampson, "25 Years Later, Bombing in Beirut Still Resonates," *USA Today*, October 18, 2008, [http://www.usatoday.com/news/military/2008-10-15-beirut-barracks\\_n.htm](http://www.usatoday.com/news/military/2008-10-15-beirut-barracks_n.htm).

<sup>29</sup> Oliver Burkeman, "America Signals Withdrawal of Troops from Saudi Arabia," *The Guardian*, April 30, 2003, <http://www.guardian.co.uk/world/2003/apr/30/usa.iraq>.

<sup>30</sup> "National Strategy for Counterterrorism," June 2011, [http://www.whitehouse.gov/sites/default/files/counterterrorism\\_strategy.pdf](http://www.whitehouse.gov/sites/default/files/counterterrorism_strategy.pdf); "National Security Strategy," p. 12.



tiện tốt nhất để đạt được mục đích nữa. Các quốc gia chỉ có thể đánh bại chủ nghĩa khủng bố khi họ có thể xoá tan lối tư duy rằng khủng bố là một chiến lược hữu hiệu.

## **Răn đe là cần thiết, nhưng chưa đủ**

Bài viết này trình bày một hệ thống ý tưởng tổng quát về răn đe mạng lưới khủng bố. Chúng tôi cho rằng chiến lược răn đe chỉ có thể đạt được thành công một phần và sẽ luôn chỉ là một thành phần chứ không phải là hòn đá tảng trong chiến lược chống khủng bố. Dù có vai trò hạn chế, biện pháp răn đe là một phần thiết yếu của kế sách chống khủng bố hiệu quả.

Các chiến lược làm chùn bước khủng bố của Hoa Kỳ chắc chắn sẽ trở nên tinh vi hơn theo thời gian, và có nhiều bước đi trước mắt có thể giúp cải thiện đáng kể khả năng răn đe khủng bố của chúng ta. Thứ nhất, Hoa Kỳ cần tăng cường khả năng tiến hành những chiến dịch truyền thông chiến lược để truyền đạt một thông điệp rõ ràng và nhất quán tới các mạng lưới khủng bố. Chính sách phủ định cấp chiến thuật không chỉ đòi hỏi Hoa Kỳ phải phát triển khả năng ngăn chặn các vụ khủng bố mà còn đòi hỏi nước này phải thông báo rõ ràng khả năng này tới bọn khủng bố. Tương tự, để theo đuổi chiến lược phủ định cấp chiến lược, Hoa Kỳ không được nhượng bộ trước những đòi hỏi của bọn khủng bố thậm chí cả khi gặp phải những vụ tấn công thắng lợi. Tóm lại, Washington phải truyền đi một cách rõ ràng và nhất quán thông điệp rằng chủ nghĩa khủng bố sẽ thất bại.

Thêm vào đó, khả năng răn đe chủ nghĩa khủng bố của Hoa Kỳ có thể được cải thiện nhờ vào việc hiểu rõ hơn các kẻ thù khủng bố. Dù nhận thức của chúng ta về các phần tử khủng bố đã tăng đáng kể từ sau vụ 11/9, vẫn có nhiều điều chúng ta cần biết: Điều gì được bọn khủng bố xem trọng mà ta có thể đe dọa? Những mục tiêu chiến thuật và chiến lược của chúng là gì? Ta cần đe dọa gây thất bại điều gì để chúng phải huỷ bỏ một vụ khủng bố hay rời bỏ hoàn toàn chủ nghĩa khủng bố? Ví dụ, để có được những thông tin chi tiết như thế này đòi hỏi chính phủ Hoa Kỳ phải đưa ra những chính sách tra hỏi (dĩ nhiên là phải hợp pháp) để moi ra loại thông tin này từ những tên khủng bố bị bắt. Hiện tại, chúng ta thường thẩm tra với mục đích cơ bản là có được những tin tức tình báo liên quan đến những chiến dịch khủng bố đang diễn ra. Đây vẫn là một mục đích quan trọng, nhưng những tên khủng bố bị bắt cũng chứa đựng một kho tàng thông tin về những hi vọng và những nỗi bất an của chúng. Những thông tin này có thể được tra ra một cách hợp pháp và được khai thác dễ dàng thông qua một chính sách răn đe hữu hiệu.

Mặc dù biện pháp răn đe đã trở nên quan trọng hơn trong chiến lược chống khủng bố ở Hoa Kỳ những năm gần đây nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm. Bằng việc đảm bảo rằng các nguyên tắc của biện pháp răn đe sẽ được đưa lên hàng đầu trong nội bộ chính phủ và trong những cuộc tranh luận của công chúng về chiến lược chống khủng bố, Hoa Kỳ có thể giảm thiểu nguy cơ người Mỹ phải trải qua một ngày khác như ngày 11 tháng 9 năm 2001.

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET**

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---